

Số: /2020/QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày tháng 11 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định tiêu chí, cách đánh giá, xếp loại trách nhiệm người đứng đầu cơ quan, đơn vị thuộc UBND tỉnh và Chủ tịch UBND huyện, thành phố trong thi hành công vụ

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức; Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 157/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 10 năm 2007 của Chính phủ quy định chế độ trách nhiệm đối với người đứng đầu các cơ quan, tổ chức, đơn vị của Nhà nước trong thi hành nhiệm vụ, công vụ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 249/TTr-SNV ngày 13 tháng 10 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định tiêu chí, cách đánh giá, xếp loại trách nhiệm người đứng đầu cơ quan, đơn vị thuộc UBND tỉnh và Chủ tịch UBND huyện, thành phố trong thi hành công vụ.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2021.

Quyết định này thay thế Quyết định số 13/2017/QĐ-UBND ngày 05 tháng 5 năm 2017 của UBND tỉnh ban hành Quy định tiêu chí, cách đánh giá,

xếp loại trách nhiệm người đứng đầu Sở, cơ quan, đơn vị thuộc UBND tỉnh và Chủ tịch UBND huyện, thành phố trong thi hành công vụ.

Điều 3. Giám đốc Sở, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị thuộc UBND tỉnh; Chủ tịch UBND huyện, thành phố; các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Vụ Pháp luật (Văn phòng Chính phủ);
- Vụ Pháp chế (Bộ Nội vụ);
- Cục Kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH tỉnh;
- VP Tỉnh ủy, các cơ quan thuộc Tỉnh ủy;
- VP HĐND tỉnh, các Ban HĐND tỉnh;
- UBMTTQVN và các tổ chức CT-XH tỉnh;
- Các cơ quan TW trên địa bàn tỉnh;
- LĐVP, các phòng, Trung tâm thông tin;
- Lưu: VT, NC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Dương Văn Thái

QUY ĐỊNH

Tiêu chí, cách đánh giá, xếp loại trách nhiệm người đứng đầu cơ quan, đơn vị thuộc UBND tỉnh và Chủ tịch UBND huyện, thành phố trong thi hành công vụ

(Ban hành kèm theo Quyết định số /2020/QĐ-UBND
ngày tháng 11 năm 2020 của UBND tỉnh Bắc Giang)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định tiêu chí, cách đánh giá, xếp loại trách nhiệm người đứng đầu cơ quan, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND tỉnh và Chủ tịch UBND huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh Bắc Giang trong thi hành công vụ.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Giám đốc Sở, Thủ trưởng cơ quan thuộc UBND tỉnh; Chủ tịch UBND huyện, thành phố và thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND tỉnh, gồm: Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh; Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp; Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông; Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn; Trường Cao đẳng nghề Công nghệ Việt - Hàn Bắc Giang.

Người được giao quyền đứng đầu hoặc phụ trách cơ quan, đơn vị thuộc UBND tỉnh và UBND huyện, thành phố.

(sau đây gọi chung là người đứng đầu cơ quan, địa phương, đơn vị)

Điều 3. Nguyên tắc đánh giá, xếp loại

1. Việc đánh giá, xếp loại phải căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao; năng lực, uy tín, phẩm chất đạo đức, lối sống, tác phong, gương mẫu, năng động, sáng tạo, hiệu quả trong tham mưu đề xuất và thực hiện nhiệm vụ của người đứng đầu.

2. Hằng năm, người đứng đầu cơ quan, địa phương, đơn vị căn cứ quy định về tiêu chí đánh giá, mức độ hoàn thành nhiệm vụ tại Quy định này, đối chiếu với kết quả thực hiện nhiệm vụ của cơ quan, địa phương, đơn vị để tự đánh giá, chấm điểm đảm bảo trung thực, chính xác.

Thời điểm đánh giá, xếp loại được tiến hành trong tháng 12 hằng năm và trước khi thực hiện việc bình xét thi đua, khen thưởng.

3. Việc đánh giá, xếp loại người đứng đầu cơ quan, địa phương, đơn vị phải đảm bảo khách quan, khoa học, công khai, công bằng, dân chủ, phản ánh đúng những kết quả đạt được trong năm của từng cơ quan, địa phương, đơn vị.

4. Người đứng đầu theo quy định tại Điều 2 Quy định này được bầu cử, bổ nhiệm hoặc giao quyền đứng đầu, phụ trách tại cơ quan, địa phương, đơn vị có thời gian chưa đủ 06 tháng thì không thực hiện việc đánh giá, xếp loại chất lượng nhưng phải tổng hợp kết quả thực hiện nhiệm vụ trong năm của người đứng đầu nói chung và phải kiểm điểm kết quả thực hiện nhiệm vụ trong thời gian đảm nhiệm giữ chức.

Chương II

TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ, CÁCH CHẤM ĐIỂM, XẾP LOẠI

Điều 4. Tiêu chí đánh giá

1. Nhiệm vụ chung

a) Các Sở, cơ quan thuộc UBND tỉnh đánh giá, chấm điểm nhiệm vụ chung theo các tiêu chí quy định tại *Phụ lục 1* kèm theo Quy định này.

b) UBND huyện, thành phố đánh giá, chấm điểm nhiệm vụ chung theo các tiêu chí quy định tại *Phụ lục 2* kèm theo Quy định này.

c) Các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND tỉnh đánh giá, chấm điểm nhiệm vụ chung theo các tiêu chí quy định tại *Phụ lục 3* kèm theo Quy định này.

2. Nhiệm vụ riêng

Hằng năm, người đứng đầu cơ quan, địa phương, đơn vị xây dựng và đăng ký 03 nhiệm vụ riêng (*là nhiệm vụ lớn, quan trọng của cơ quan, địa phương, đơn vị, đòi hỏi phải có sự nỗ lực, quyết tâm cao trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo của người đứng đầu để hoàn thành*). Những nhiệm vụ này phải được Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh phụ trách khối, lĩnh vực xem xét, đồng ý và Chủ tịch UBND tỉnh quyết định chấp thuận.

3. Nhiệm vụ trọng tâm

Hằng năm, căn cứ chức năng, nhiệm vụ của từng cơ quan, địa phương, đơn vị Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, lựa chọn 03 nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt để giao cho người đứng đầu cơ quan, địa phương, đơn vị.

4. Nhận xét, đánh giá của Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh đối với người đứng đầu cơ quan, địa phương, đơn vị trong công tác lãnh đạo, quản lý, điều hành hoạt động chung (*năng lực, uy tín; quyết tâm, nỗ lực vượt khó trong tổ chức thi hành công vụ; phẩm chất đạo đức tốt, lối sống gương mẫu, tác phong làm việc khoa học, hiệu quả*).

Điều 5. Cách chấm điểm

1. Quy định chung

a) Tổng điểm của nhiệm vụ chung được tính tối đa 350 điểm, được cụ thể thành các tiêu chí đánh giá tại khoản 1 Điều 4 Quy định này.

b) Tổng điểm của 03 nhiệm vụ riêng được tính tối đa 210 điểm, mỗi nhiệm vụ hoàn thành được tính 70 điểm. Mỗi nhiệm vụ bao gồm một hoặc nhiều chỉ tiêu, mỗi chỉ tiêu hoàn thành được tính bằng điểm tối đa của nhiệm vụ chia đều cho các chỉ tiêu của nhiệm vụ đó.

c) Tổng điểm của 03 nhiệm vụ trọng tâm được tính tối đa 240 điểm, mỗi nhiệm vụ hoàn thành tính 80 điểm. Mỗi nhiệm vụ bao gồm một hoặc nhiều chỉ tiêu, mỗi chỉ tiêu hoàn thành được tính bằng điểm tối đa của nhiệm vụ chia đều cho các chỉ tiêu của nhiệm vụ đó.

d) Tổng điểm nhận xét, đánh giá của Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh được tính tối đa 120 điểm. Trong đó:

Năng lực, uy tín trong trong lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành hoạt động của cơ quan, địa phương, đơn vị: tối đa 40 điểm;

Sự quyết tâm, nỗ lực vượt khó trong thi hành công vụ: tối đa 40 điểm;

Chất lượng đạo đức tốt, lối sống gương mẫu; tác phong làm việc khoa học, hiệu quả: tối đa 40 điểm.

đ) Tổng điểm thưởng, tính tối đa không quá 80 điểm:

Thực hiện kế hoạch nâng hạng, khắc phục chỉ số Par Index, PCI của UBND tỉnh trong năm: Mỗi nhiệm vụ hoàn thành được cộng 10 điểm, tối đa 20 điểm.

Mỗi nhiệm vụ trọng tâm hoàn thành xuất sắc, vượt khối lượng và tiến độ về thời gian được cộng 20 điểm; tối đa 60 điểm.

e) Những nhiệm vụ riêng hoặc nhiệm vụ trọng tâm không thực hiện được: do khách quan, tính 50% điểm tối đa của nhiệm vụ đó; do chủ quan, không tính điểm. Những nhiệm vụ không thực hiện được do khách quan, được Chủ tịch UBND tỉnh điều chỉnh sang nhiệm vụ khác và hoàn thành 100% nhiệm vụ, tính 80% điểm tối đa.

2. Cách chấm điểm các chỉ tiêu định lượng của nhiệm vụ riêng và nhiệm vụ trọng tâm.

Thực hiện đạt bao nhiêu phần trăm (%) kế hoạch thì được số điểm tương ứng theo điểm chuẩn của tiêu chí đó, cụ thể:

a) Nhiệm vụ hoàn thành đạt 100% kế hoạch trở lên, tính điểm tối đa;

b) Nhiệm vụ hoàn thành đạt từ 90% đến dưới 100% kế hoạch, tính 80% số điểm tối đa;

c) Nhiệm vụ hoàn thành đạt từ 70% đến dưới 90% kế hoạch, tính 70% số điểm tối đa;

d) Nhiệm vụ hoàn thành đạt từ 50% đến dưới 70% tiêu kế hoạch, tính 50% số điểm tối đa;

đ) Nhiệm vụ hoàn thành đạt dưới 50% kế hoạch, không tính điểm.

3. Cách chấm điểm các chỉ tiêu định tính của nhiệm vụ riêng và nhiệm vụ trọng tâm

a) Những nhiệm vụ hoàn thành kế hoạch: tính điểm tối đa.

b) Những nhiệm vụ không hoàn thành kế hoạch: không được tính điểm.

4. Điểm trừ

a) Tham mưu ban hành văn bản quy phạm pháp luật bị đình chỉ thi hành hoặc bãi bỏ, mỗi văn bản trừ 15 điểm; trình UBND tỉnh không được thông qua, mỗi văn bản trừ 10 điểm; văn bản phải đính chính, mỗi văn bản trừ 05 điểm.

b) Bị cấp trên, người có thẩm quyền phê bình bằng văn bản hoặc bị Thường trực Tỉnh ủy gọi ý kiểm điểm, mỗi văn bản phê bình hoặc mỗi lần bị gọi ý kiểm điểm trừ 10 điểm.

c) Để xảy ra khiếu kiện đông người hoặc vượt cấp, mỗi vụ trừ 05 điểm.

d) Có cán bộ, công chức, viên chức, người làm việc thuộc quyền quản lý có hành vi vi phạm bị xử lý kỷ luật: buộc thôi việc, mỗi trường hợp trừ 15 điểm; các hình thức khác, mỗi trường hợp trừ 05 điểm.

đ) Để xảy ra tình trạng tham nhũng, lãng phí, hư hỏng, mất mát, thất thoát tài chính, tài sản tại tổ chức, đơn vị thuộc quyền quản lý, trừ 20 điểm.

e) Không hoàn thành các chỉ tiêu trong kế hoạch nâng hạng, khắc phục chỉ số Par Index, trừ 10 điểm; PCI, trừ 10 điểm.

g) Địa phương để nợ đọng nguồn vốn xây dựng cơ bản: từ 10 tỷ đồng đến dưới 20 tỷ đồng, trừ 05 điểm; từ 20 tỷ đồng trở lên, trừ 10 điểm.

Điều 6. Khung điểm xếp loại

1. Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ:

Tổng số điểm đạt từ 850 điểm trở lên.

Số lượng người đứng đầu được xếp loại hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ không vượt quá 30% số lượng người đứng đầu theo từng khối (*Khối Sở, khối huyện, khối đơn vị sự nghiệp*), thứ tự từ cao xuống thấp. Trường hợp có từ 02 người trở lên có số điểm bằng nhau ở chỉ tiêu cuối cùng, thì ưu tiên cho người có số điểm được Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh chấm cao hơn; trường hợp vẫn không lựa chọn được người ưu tiên thì do Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định.

2. Hoàn thành tốt nhiệm vụ: Tổng số điểm từ 800 điểm trở lên.

3. Hoàn thành nhiệm vụ: Tổng số điểm từ 700 điểm đến dưới 800 điểm.

4. Không hoàn thành nhiệm vụ: Tổng số điểm dưới 700 điểm.

Điều 7. Quy trình đánh giá trách nhiệm người đứng đầu cơ quan, địa phương, đơn vị

1. Người đứng đầu cơ quan, địa phương, đơn vị tự đánh giá trách nhiệm, chấm điểm theo mức độ hoàn thành các nhiệm vụ (*nhiệm vụ chung, nhiệm vụ riêng, nhiệm vụ trọng tâm và điểm thưởng, điểm trừ*) theo quy định tại Điều 5 Quy định này gửi Tổ công tác Chủ tịch UBND tỉnh.

2. Tổ công tác giúp Chủ tịch UBND tỉnh rà soát, thẩm định việc tự chấm điểm, đánh giá của người đứng đầu cơ quan, địa phương, đơn vị trong thi hành công vụ.

3. Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, đánh giá toàn diện và cho điểm người đứng đầu cơ quan, địa phương, đơn vị theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 5 Quy định này.

5. Sở Nội vụ tổng hợp kết quả rà soát, chấm điểm của Tổ công tác; kết quả chấm điểm của Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh, báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định xếp loại.

6. Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định xếp loại trách nhiệm người đứng đầu theo quy định tại Điều 6 Quy định này.

Kết quả xếp loại được gửi UBND tỉnh, Thường trực Tỉnh ủy để báo cáo và thông báo tới các ban, cơ quan, đơn vị thuộc Tỉnh ủy, UBND tỉnh; UBMTTQVN và các đoàn thể chính trị - xã hội cấp tỉnh; các Huyện ủy, Thành ủy, UBND huyện, thành phố.

Điều 8. Biểu dương, khen thưởng và xem xét, xử lý trách nhiệm người đứng đầu

1. Biểu dương

Người đứng đầu trong quá trình thực hiện nhiệm vụ công vụ có cách làm mới, sáng tạo, mang lại hiệu quả cao được Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, biểu dương tại Hội nghị tổng kết cuối năm.

2. Khen thưởng

Người đứng đầu cơ quan, địa phương, đơn vị được đánh giá, xếp loại hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ hai năm liên tiếp được Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, khen thưởng theo quy định.

3. Xem xét, xử lý trách nhiệm

Chủ tịch UBND tỉnh có văn bản phê bình người đứng đầu có 01 năm xếp loại không hoàn thành nhiệm vụ; đề nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy xem xét, miễn nhiệm chức vụ hoặc bố trí công tác khác theo quy định đối với người đứng đầu cơ quan, địa phương, đơn vị có 02 năm liên tiếp hoặc 02 năm trong kỳ bổ nhiệm hoặc bầu cử xếp loại không hoàn thành nhiệm vụ.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 9. Trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, địa phương, đơn vị

1. Thực hiện đăng ký nhiệm vụ riêng và nhiệm vụ trọng tâm

a) Căn cứ Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ cấp huyện, chỉ đạo của UBND tỉnh và chức năng, nhiệm vụ của ngành, lĩnh vực quản lý, người đứng đầu cơ quan, địa phương, đơn vị lựa chọn, đăng ký 03 nhiệm vụ riêng và 03 nhiệm vụ trọng tâm trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định.

Các nhiệm vụ đăng ký phải được lượng hóa cụ thể (bằng số lượng hoặc khối lượng công việc) và thời gian thực hiện; nhiệm vụ riêng không được trùng với nhiệm vụ trọng tâm.

b) Văn bản đăng ký nhiệm vụ gửi trước ngày 31/01 hằng năm (nhiệm vụ riêng gửi Sở Nội vụ; nhiệm vụ trọng tâm gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư); văn bản đề nghị điều chỉnh nhiệm vụ trọng tâm gửi trước ngày 30/6 hằng năm.

2. Căn cứ tình hình thực tế, cơ quan, địa phương, đơn vị ban hành tiêu chí, cách đánh giá, xếp loại trách nhiệm người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc quyền quản lý (kể cả Chủ tịch UBND cấp xã) đảm bảo phù hợp với Quy định này và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

3. Định kỳ 6 tháng, một năm hoặc đột xuất báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh (qua Sở Nội vụ tổng hợp) tình hình thực hiện chế độ trách nhiệm người đứng đầu tại cơ quan, địa phương, đơn vị. Báo cáo 6 tháng gửi trước ngày 10/7; báo cáo năm gửi trước ngày 15/12 hằng năm.

Điều 10. Trách nhiệm của Tổ công tác

1. Tổ công tác do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định thành lập gồm 01 Lãnh đạo Sở Nội vụ làm Tổ trưởng; đại diện lãnh đạo và chuyên viên các Sở, cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Nội vụ, Thanh tra tỉnh, Sở Tài chính.

2. Nhiệm vụ của Tổ công tác

Giúp Chủ tịch UBND tỉnh rà soát, chấm điểm trách nhiệm người đứng đầu cơ quan, địa phương, đơn vị; gửi xin ý kiến đóng góp của các cơ quan, địa phương, đơn vị, đồng thời hoàn thiện kết quả chấm điểm gửi Sở Nội vụ tổng hợp, báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh theo quy định.

Điều 11. Trách nhiệm của các cơ quan có liên quan

1. Sở Nội vụ

a) Hướng dẫn cơ quan, địa phương, đơn vị đăng ký nhiệm vụ riêng hằng năm; đồng thời tổng hợp gửi xin ý kiến Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh phụ trách khối hoặc lĩnh vực trước khi trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định chấp thuận.

b) Tham mưu trình Chủ tịch UBND tỉnh thành lập Tổ công tác để rà soát, chấm điểm trách nhiệm người đứng đầu cơ quan, địa phương, đơn vị.

c) Tổng hợp kết quả đánh giá, xếp loại trách nhiệm người đứng đầu cơ quan, địa phương, đơn vị trong thi hành công vụ, trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định;

Tổng hợp kết quả thực hiện các chỉ tiêu trong kế hoạch nâng hạng, khắc phục chỉ số Par Index gửi Tổ công tác.

d) Định kỳ 6 tháng, một năm hoặc đột xuất tổng hợp, báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh tình hình thực hiện chế độ trách nhiệm người đứng đầu các cơ quan, địa phương, đơn vị trên địa bàn tỉnh. Báo cáo 6 tháng gửi trước ngày 20/7; báo cáo năm gửi trước ngày 25/12 hằng năm.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

a) Hướng dẫn cơ quan, địa phương, đơn vị đăng ký nhiệm vụ trọng tâm; đồng thời tổng hợp, thẩm định trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định giao nhiệm vụ hằng năm.

b) Tổng hợp, thống kê các cơ quan, địa phương, đơn vị không hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, các chỉ tiêu trong kế hoạch nâng hạng, khắc phục chỉ số PCI, gửi Tổ công tác trước ngày 15/12 hằng năm.

c) Phối hợp với Sở Nội vụ, Văn phòng UBND tỉnh thẩm định việc đăng ký, chấm điểm xếp loại trách nhiệm người đứng đầu các cơ quan, địa phương, đơn vị trong thi hành công vụ.

d) Giúp UBND tỉnh theo dõi, đánh giá tiến độ, chất lượng các báo cáo đánh giá phát triển kinh tế - xã hội, đầu tư xây dựng cơ bản, xây dựng kế hoạch năm theo quy định.

3. Sở Tài chính: Tổng hợp, thống kê các nguồn vốn nợ đọng xây dựng cơ bản của các địa phương, đơn vị gửi Tổ công tác trước ngày 15/12 hằng năm.

4. Thanh tra tỉnh

a) Tổng hợp, cung cấp số liệu các vi phạm trong quản lý, sử dụng ngân sách, kinh phí được giao và các sai phạm trong các lĩnh vực khác qua công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm toán tại các cơ quan, địa phương, đơn vị trên địa bàn tỉnh gửi Tổ công tác trước ngày 15/12 hằng năm.

b) Kết quả giải quyết đơn thư, khiếu nại, tố cáo.

5. Văn phòng UBND tỉnh

Tổng hợp, thống kê người đứng đầu các cơ quan, địa phương, đơn vị không hoàn thành nhiệm vụ được UBND tỉnh giao trong chương trình, kế hoạch công tác năm; thực hiện chế độ thông tin, báo cáo chậm muộn hoặc không đảm bảo chất lượng; các văn bản phê bình, gợi ý kiểm điểm người đứng đầu cơ quan, địa phương, đơn vị của cấp có thẩm quyền gửi Tổ công tác trước ngày 15/12 hằng năm.

Điều 12. Điều khoản thi hành

Trong quá trình thực hiện quy định này nếu có khó khăn, vướng mắc, người đứng đầu cơ quan, địa phương, đơn vị kiến nghị, phản ánh về Sở Nội vụ để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Dương Văn Thái

Phụ lục 1
BẢNG TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ, CHẤM ĐIỂM NHIỆM VỤ CHUNG
ĐỐI VỚI NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN THUỘC UBND TỈNH
(Ban hành kèm theo Quyết định số /2020/QĐ-UBND
ngày tháng 11 năm 2020 của UBND tỉnh Bắc Giang)

TT	Tiêu chí đánh giá	Điểm chuẩn
1.	Tổ chức, điều hành cơ quan theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn	120
a)	Công tác tham mưu cho Tỉnh ủy, HĐND và UBND tỉnh ban hành các chỉ thị, nghị quyết, quyết định, chương trình, kế hoạch để lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện các nhiệm vụ thuộc ngành, lĩnh vực quản lý	30
	- Các văn bản tham mưu phải đảm bảo đầy đủ, chất lượng, hiệu quả, đúng thời hạn theo quy định được tính điểm tối đa; - Mỗi nội dung tham mưu chưa đảm bảo chất lượng hoặc chậm muộn trừ 5 điểm, trừ tối đa bằng điểm chuẩn.	
b)	Kết quả thực hiện các nhiệm vụ được giao trong chương trình, kế hoạch công tác năm của UBND tỉnh (không tính nhiệm vụ giao riêng cho người đứng đầu)	70
	- 100% nhiệm vụ được hoàn thành đảm bảo chất lượng, đúng thời hạn được tính điểm tối đa; - Mỗi nhiệm vụ hoàn thành không đảm bảo chất lượng hoặc không đúng thời hạn trừ 15 điểm; trừ tối đa bằng điểm chuẩn.	
c)	Công tác thông tin, báo cáo theo yêu cầu của UBND tỉnh	20
	- 100% các nội dung báo cáo đảm bảo chất lượng, đúng thời hạn được tính điểm tối đa; - Mỗi nội dung báo cáo chưa đảm bảo chất lượng, phải làm lại, bổ sung hoặc chậm muộn trừ 5 điểm, trừ tối đa bằng điểm chuẩn.	
2.	Công tác quản lý, sử dụng biên chế, công chức, viên chức	90
a)	Quản lý, sử dụng biên chế, số lượng người làm việc	10
	- Hằng năm rà soát, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc phê duyệt đề án vị trí việc làm, biên chế và số lượng người làm việc đảm bảo theo quy định; Quyết định phân bổ chỉ tiêu biên chế hành chính, số lượng người làm việc trong các phòng, ban, đơn vị trực thuộc đảm bảo theo quy định của UBND tỉnh; - Mỗi nội dung thực hiện không đảm bảo quy định trừ 5 điểm, trừ tối đa bằng điểm chuẩn.	
b)	Quản lý, sử dụng công chức, viên chức:	25
	- Sắp xếp, bố trí công chức, viên chức theo đề án vị trí việc làm và đảm bảo số lượng công chức, viên chức không vượt chỉ tiêu biên chế được giao được tính điểm tối đa; - Sắp xếp, bố trí công chức, viên chức không đúng đề án vị trí việc làm trừ 5 điểm; thực hiện vượt mỗi chỉ tiêu biên chế trừ 5 điểm; trừ tối đa bằng điểm chuẩn.	

TT	Tiêu chí đánh giá	Điểm chuẩn
c)	Công tác quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại các chức danh thuộc thẩm quyền quản lý:	
	- Hằng năm thực hiện quy hoạch, rà soát, bổ sung quy hoạch đảm bảo quy định; Thực hiện bổ nhiệm, bổ nhiệm lại cán bộ lãnh đạo, quản lý thuộc thẩm quyền đúng quy trình, tiêu chuẩn, điều kiện và thời gian theo quy định; Thực hiện đảm bảo số lượng cấp phó các phòng, ban, đơn vị thuộc quyền quản lý không vượt quy định thì được tính điểm tối đa; - Mỗi trường hợp thực hiện không đảm bảo đúng quy định trừ 5 điểm, trừ tối đa bằng điểm chuẩn.	25
d)	Công tác luân chuyển, chuyển đổi vị trí công tác	10
-	Ban hành kế hoạch và thực hiện đạt 100% kế hoạch	10
-	Ban hành kế hoạch và thực hiện đạt từ 50% đến dưới 100% kế hoạch	5
-	Không ban hành kế hoạch hoặc ban hành kế hoạch thực hiện đạt dưới 50%	0
đ)	Việc chấp hành quy định về kỷ luật, kỷ cương hành chính và quy chế văn hóa công sở	20
-	100% công chức, viên chức thuộc quyền quản lý không vi phạm	20
-	Để xảy ra tình trạng công chức, viên chức, người làm việc thuộc quyền quản lý vi phạm quy định, quy chế bị cấp có thẩm quyền phê bình, nhắc nhở	10
3.	Công tác quản lý, sử dụng tài chính, tài sản công	40
a)	Việc ban hành Quy chế quản lý sử dụng tài sản công	10
-	Rà soát, sửa đổi, bổ sung Quy chế chi tiêu nội bộ, Quy chế quản lý sử dụng tài sản công đảm bảo theo quy định	10
-	Không rà soát, sửa đổi, bổ sung kịp thời	0
b)	Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản công	30
-	Quản lý, sử dụng các nguồn tài chính, các tài sản, trang thiết bị đảm bảo đúng chế độ, chính sách và đúng quy định của pháp luật	30
-	Chưa thực hiện nghiêm quy định về quản lý, sử dụng các nguồn tài chính, các tài sản bị cơ quan có thẩm quyền thanh tra, kiểm tra phê bình, nhắc nhở	10
4.	Công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo	60
a)	Giải quyết xong 100% vụ việc trong năm đảm bảo đúng quy định	60
b)	Giải quyết xong từ 80% đến dưới 100% vụ việc đảm bảo quy định	50
c)	Giải quyết xong từ 50% đến dưới 80% vụ việc đảm bảo quy định	30
d)	Giải quyết xong dưới 50% vụ việc đảm bảo quy định	0
5.	Công tác cải cách hành chính	40
5.1	Đối với các cơ quan có thủ tục hành chính giải quyết tại Trung tâm phục vụ hành chính công	
a)	Tỷ lệ phần trăm thủ tục hành chính (TTHC) cung cấp trực tuyến mức độ 3,	10

TT	Tiêu chí đánh giá	Điểm chuẩn
	4 có phát sinh hồ sơ trực tuyến trong năm so với tổng số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3, 4	
-	Đạt tỷ lệ phần trăm TTHC theo quy định của UBND tỉnh	10
-	Đạt từ 50% đến dưới 100% tỷ lệ theo quy định của UBND tỉnh	5
-	Đạt dưới 50% tỷ lệ theo quy định của UBND tỉnh	0
b)	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được xử lý trực tuyến mức độ 3,4 (<i>chỉ tính đối với các TTHC cung cấp dịch vụ công mức độ 3,4 có phát sinh hồ sơ trực tuyến</i>)	10
-	Đạt tỷ lệ phần trăm TTHC theo quy định của UBND tỉnh	10
-	Đạt từ 50% đến dưới 100% tỷ lệ theo quy định của UBND tỉnh	5
	Đạt dưới 50% tỷ lệ theo quy định của UBND tỉnh	0
c)	Kết quả giải quyết hồ sơ TTHC	20
-	Đạt 100% số hồ sơ TTHC trong năm được giải quyết đúng hạn	20
-	Đạt từ 80% đến dưới 100% số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn	15
-	Đạt từ 50% đến dưới 80% số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn	5
-	Đạt dưới 50% số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn	0
5.2	<i>Các cơ quan không có thủ tục hành chính giải quyết tại Trung tâm phục vụ hành chính công</i>	
a)	<u>Văn phòng UBND tỉnh</u>	40
-	Quản lý, điều hành Cổng thông tin điện tử đáp ứng yêu cầu chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh và giữ được hạng chỉ số Cổng thông tin điện tử so với năm trước	40
-	Chưa đáp ứng được yêu cầu hoặc không giữ được hạng chỉ số Cổng thông tin điện tử so với năm trước	10
b)	<u>Thanh tra tỉnh và Ban Dân tộc tỉnh</u>	40
-	100% TTHC được giải quyết đúng quy trình nội bộ theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông	40
-	Đạt từ 80% đến dưới 100%	30
	Đạt từ 50% đến dưới 80%	20
-	Đạt dưới 50%	0

Phụ lục 2
BẢNG TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ, CHẤM ĐIỂM NHIỆM VỤ CHUNG
ĐỐI VỚI CHỦ TỊCH UBND CÁC HUYỆN, THÀNH PHỐ
(Ban hành kèm theo Quyết định số /2020/QĐ-UBND
ngày tháng 11 năm 2020 của UBND tỉnh Bắc Giang)

TT	Tiêu chí đánh giá	Điểm chuẩn
1.	Tổ chức, điều hành cơ quan theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn	150
1.1.	<i>Thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế, xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh (theo chỉ tiêu Kế hoạch hằng năm của UBND tỉnh)</i>	90
a)	Kết quả thực hiện các chỉ tiêu phát triển kinh tế	30
-	Hoàn thành 100% chỉ tiêu	30
-	Hoàn thành từ 90% đến dưới 100% chỉ tiêu	25
-	Hoàn thành từ 70% đến dưới 90% chỉ tiêu	20
-	Hoàn thành dưới 70% chỉ tiêu	15
b)	Kết quả thực hiện các chỉ tiêu về văn hóa, xã hội	30
-	Hoàn thành 100% chỉ tiêu	30
-	Hoàn thành từ 90% đến dưới 100% chỉ tiêu	25
-	Hoàn thành từ 70% đến dưới 90% chỉ tiêu	20
-	Hoàn thành dưới 70% chỉ tiêu	15
c)	Kết quả thực hiện các chỉ tiêu về quốc phòng, an ninh	30
-	Hoàn thành 100% chỉ tiêu	30
-	Hoàn thành từ 90% đến dưới 100% chỉ tiêu	25
-	Hoàn thành từ 70% đến dưới 90% chỉ tiêu	20
-	Hoàn thành dưới 70% chỉ tiêu	15
1.2.	<i>Thực hiện nhiệm vụ được UBND tỉnh giao trong chương trình, kế hoạch công tác năm của UBND tỉnh (không tính nhiệm vụ giao riêng cho người đứng đầu)</i>	40
-	<i>100% nhiệm vụ được hoàn thành đảm bảo chất lượng, đúng thời hạn được tính điểm tối đa;</i>	40
-	<i>Mỗi nhiệm vụ hoàn thành không đảm bảo chất lượng hoặc không đúng thời hạn trừ 10 điểm; trừ tối đa bằng điểm chuẩn.</i>	40
1.3.	<i>Công tác thông tin, báo cáo theo yêu cầu của UBND tỉnh</i>	20
-	<i>100% các nội dung báo cáo đảm bảo chất lượng, đúng thời hạn được tính điểm tối đa;</i>	20
-	<i>Mỗi nội dung báo cáo chưa đảm bảo chất lượng, phải làm lại, bổ sung hoặc chậm muộn trừ 5 điểm, trừ tối đa bằng điểm chuẩn.</i>	20

2.	Công tác quản lý, sử dụng biên chế, cán bộ, công chức, viên chức thuộc thẩm quyền quản lý	80
a)	Quản lý, sử dụng biên chế, số lượng người làm việc	
	- Hằng năm rà soát, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc phê duyệt đề án vị trí việc làm, biên chế và số lượng người làm việc đảm bảo theo quy định; Quyết định phân bổ chỉ tiêu biên chế hành chính, số lượng người làm việc trong các phòng, ban, đơn vị trực thuộc đảm bảo theo quy định của UBND tỉnh; - Mỗi nội dung thực hiện không đảm bảo quy định trừ 5 điểm, trừ tối đa bằng điểm chuẩn.	10
b)	Quản lý, sử dụng cán bộ, công chức, viên chức	
	- Sắp xếp, bố trí cán bộ, công chức, viên chức theo đề án vị trí việc làm và đảm bảo số lượng công chức, viên chức không vượt chỉ tiêu biên chế được giao thì được tính điểm tối đa; - Sắp xếp, bố trí cán bộ, công chức, viên chức không đúng đề án vị trí việc làm, trừ 5 điểm; thực hiện vượt mỗi chỉ tiêu biên chế trừ 5 điểm; trừ tối đa bằng điểm chuẩn.	20
c)	Công tác quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại các chức danh thuộc thẩm quyền quản lý	
	- Hằng năm thực hiện quy hoạch, rà soát, bổ sung quy hoạch đảm bảo quy định; Thực hiện bổ nhiệm, bổ nhiệm lại cán bộ lãnh đạo, quản lý thuộc thẩm quyền đúng quy trình, tiêu chuẩn, điều kiện và thời gian theo quy định; Thực hiện đảm bảo số lượng cấp phó các phòng, ban, đơn vị thuộc quyền quản lý không vượt quy định thì được tính điểm tối đa; - Mỗi trường hợp thực hiện không đảm bảo đúng quy định trừ 5 điểm, trừ tối đa bằng điểm chuẩn.	20
d)	Công tác luân chuyển, chuyển đổi vị trí công tác	10
-	Ban hành kế hoạch và thực hiện đạt 100% kế hoạch	10
-	Ban hành kế hoạch và thực hiện đạt từ 50% đến dưới 100% kế hoạch	5
-	Không ban hành kế hoạch hoặc ban hành kế hoạch thực hiện đạt dưới 50%	0
đ)	Việc chấp hành quy định về kỷ luật, kỷ cương hành chính và quy chế văn hóa công sở	20
-	100% cán bộ, công chức, viên chức thuộc quyền quản lý không vi phạm	20
-	Để xảy ra tình trạng cán bộ, công chức, viên chức, người làm việc thuộc quyền quản lý vi phạm quy định, quy chế bị cấp có thẩm quyền phê bình, nhắc nhở	10

3.	Công tác quản lý, sử dụng tài chính, tài sản công	40
a)	Việc ban hành Quy chế quản lý sử dụng tài sản công	10
-	Rà soát, sửa đổi, bổ sung Quy chế chi tiêu nội bộ, Quy chế quản lý sử dụng tài sản công đảm bảo theo quy định	10
-	Không rà soát, sửa đổi, bổ sung kịp thời	0
b)	Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản công	30
-	Quản lý, sử dụng các nguồn tài chính, các tài sản, trang thiết bị đảm bảo đúng chế độ, chính sách và đúng quy định của pháp luật	30
-	Chưa thực hiện nghiêm quy định về quản lý, sử dụng các nguồn tài chính, các tài sản bị cơ quan có thẩm quyền thanh tra, kiểm tra phê bình, nhắc nhở	10
4.	Công tác tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo	40
a)	Được đánh giá mức “Hoàn thành xuất sắc”	40
b)	Được đánh giá mức “Hoàn thành tốt”	30
c)	Được đánh giá mức “Hoàn thành”	20
5.	Công tác cải cách hành chính	40
a)	Tỷ lệ phần trăm thủ tục hành chính (TTHC) cung cấp trực tuyến mức độ 3, 4 có phát sinh hồ sơ trực tuyến trong năm so với tổng số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3, 4	10
-	Đạt tỷ lệ phần trăm theo quy định của UBND tỉnh	10
-	Đạt từ 80% đến dưới 100% so với tỷ lệ theo quy định	8
-	Đạt từ 50% đến dưới 80% so với tỷ lệ theo quy định	5
-	Đạt dưới 50% so với tỷ lệ theo quy định	0
b)	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được xử lý trực tuyến mức độ 3,4 (chỉ tính đối với các TTHC cung cấp dịch vụ công mức độ 3,4 có phát sinh hồ sơ trực tuyến)	10
-	Đạt tỷ lệ % theo quy định của UBND tỉnh	10
-	Đạt từ 80% đến dưới 100% so với tỷ lệ theo quy định	8
-	Đạt từ 50% đến dưới 80% so với tỷ lệ theo quy định	5
-	Đạt dưới 50% so với tỷ lệ theo quy định	0
c)	Kết quả giải quyết hồ sơ TTHC	20
-	Đạt 100% số hồ sơ TTHC trong năm được giải quyết đúng hạn	20
-	Đạt từ 80% đến dưới 100% số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn	10
-	Đạt từ 50% đến dưới 80% số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn	5
-	Đạt dưới 50% số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn	0

Phụ lục 3
BẢNG TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ, CHẤM ĐIỂM NHIỆM VỤ CHUNG ĐỐI VỚI
NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP THUỘC UBND TỈNH
(Ban hành kèm theo Quyết định số /2020/QĐ-UBND
ngày tháng 11 năm 2020 của UBND tỉnh Bắc Giang)

TT	Tiêu chí đánh giá	Điểm chuẩn
1.	Kết quả thực hiện nhiệm vụ được UBND tỉnh giao	120
a)	Nhiệm vụ được giao trong chương trình, kế hoạch công tác năm của UBND tỉnh (<i>không tính nhiệm vụ giao riêng cho người đứng đầu</i>)	100
	- 100% nhiệm vụ được hoàn thành đảm bảo chất lượng, đúng thời hạn được tính điểm tối đa; - Mỗi nhiệm vụ hoàn thành không đảm bảo chất lượng hoặc không đúng thời hạn trừ 20 điểm; trừ tối đa bằng điểm chuẩn.	100
b)	Công tác thông tin, báo cáo theo yêu cầu của UBND tỉnh	
	- 100% các nội dung báo cáo đảm bảo chất lượng, đúng thời hạn được tính điểm tối đa; - Mỗi nội dung báo cáo chưa đảm bảo chất lượng, phải làm lại, bổ sung hoặc chậm muộn trừ 5 điểm, trừ tối đa bằng điểm chuẩn.	20
2.	Công tác quản lý, sử dụng biên chế, viên chức	100
a)	Quản lý, sử dụng biên chế (số lượng người làm việc)	
	- Hằng năm rà soát, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc phê duyệt đề án vị trí việc làm, biên chế và số lượng người làm việc đảm bảo theo quy định; Quyết định phân bổ chỉ tiêu biên chế, số lượng người làm việc trong các phòng, ban, đơn vị trực thuộc đảm bảo theo quy định của UBND tỉnh; - Mỗi nội dung thực hiện không đảm bảo quy định trừ 5 điểm, trừ tối đa bằng điểm chuẩn.	10
b)	Quản lý, sử dụng viên chức (người làm việc)	
	- Sắp xếp, bố trí viên chức theo đề án vị trí việc làm và đảm bảo số lượng viên chức không vượt chỉ tiêu biên chế được giao thì được tính điểm tối đa; - Sắp xếp, bố trí viên chức không đúng đề án vị trí việc làm, trừ 5 điểm; thực hiện vượt mỗi chỉ tiêu biên chế trừ 5 điểm; trừ tối đa bằng điểm chuẩn.	25
c)	Công tác quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại các chức danh thuộc thẩm quyền quản lý	
	- Hằng năm thực hiện quy hoạch, rà soát, bổ sung quy hoạch đảm bảo quy định; thực hiện bổ nhiệm, bổ nhiệm lại cán bộ lãnh đạo, quản lý thuộc thẩm quyền đúng quy trình, tiêu chuẩn, điều kiện và thời gian theo quy định; thực hiện đảm bảo số lượng cấp phó các phòng, ban,	25

TT	Tiêu chí đánh giá	Điểm chuẩn
	<i>đơn vị thuộc quyền quản lý không vượt quy định thì được tính điểm tối đa; - Mỗi trường hợp thực hiện không đảm bảo đúng quy định trừ 5 điểm, trừ tối đa bằng điểm chuẩn.</i>	
d)	Công tác luân chuyển, chuyển đổi vị trí công tác	20
-	Ban hành kế hoạch và thực hiện đạt 100% kế hoạch	20
-	Ban hành kế hoạch và thực hiện đạt từ 50% đến dưới 100% kế hoạch	10
-	Không ban hành kế hoạch hoặc ban hành kế hoạch thực hiện đạt dưới 50%	0
đ)	Việc chấp hành quy định về kỷ luật, kỷ cương hành chính và quy chế văn hóa công sở	20
-	100% viên chức, người làm việc thuộc quyền quản lý không vi phạm	20
-	Để xảy ra tình trạng viên chức, người làm việc thuộc quyền quản lý vi phạm quy định, quy chế bị cấp có thẩm quyền phê bình, nhắc nhở	10
3.	Công tác quản lý, sử dụng tài chính, tài sản công	70
a)	Việc ban hành Quy chế quản lý sử dụng tài sản công	20
-	Rà soát, sửa đổi, bổ sung Quy chế chi tiêu nội bộ, Quy chế quản lý sử dụng tài sản công đảm bảo theo quy định	20
-	Không rà soát, sửa đổi, bổ sung kịp thời	0
b)	Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản công	50
-	Quản lý, sử dụng các nguồn tài chính, các tài sản, trang thiết bị đảm bảo đúng chế độ, chính sách và đúng quy định của pháp luật	50
-	Chưa thực hiện nghiêm quy định về quản lý, sử dụng các nguồn tài chính, các tài sản bị cơ quan có thẩm quyền thanh tra, kiểm tra phê bình, nhắc nhở	20
4.	Công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo	60
a)	Giải quyết xong 100% vụ việc trong năm đảm bảo quy định	60
b)	Giải quyết xong từ 80% đến dưới 100% vụ việc đảm bảo quy định	50
c)	Giải quyết xong từ 50% đến dưới 80% vụ việc đảm bảo quy định	30
d)	Giải quyết xong dưới 50% vụ việc đảm bảo quy định	0